TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/DS-ST
Ngày: 11/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào

2. Ông Đặng Khải Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S; Địa chỉ trụ sở: phường AT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: phường AT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Gia T, sinh năm 1971; Địa chỉ liên lạc: phường AT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Vĩnh C, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023, trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (từ đây viết tắt là Ngân hàng) do ông Trần Gia T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/9/2019, ông Lê Vĩnh C có ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm

hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (đơn vị phát hành thẻ) – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập trong đơn đề nghị của ông C và chính sách cấp thẻ của Ngân hàng, ngày 20/9/2019 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) cho ông Lê Vĩnh C, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất áp dụng theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S, tại thời điểm ký Hợp đồng, lãi suất trong hạn đối với loại tín dụng này là 2,6 %/tháng.

Thực hiện Hợp đồng trên, ông C đã kích hoạt và sử dụng thẻ. Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ cho đến ngày 23/8/2020, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 86.440.500đồng, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 32.134.626đồng (bao gồm tiền mà ông C đã giao dịch, phí và lãi phát sinh trong kỳ thanh toán), sau đó ông C không tiếp tục thanh toán số tiền đã sử dụng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng nữa, Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 23/8/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 80.636.704 đồng (tám mươi triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất được công bố, áp dụng tại từng thời điểm do Ngân hàng công bố. Ngày 22/7/2021, ông Hiếu có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.005.023đồng, vì vậy số tiền nợ gốc của ông Hiếu giảm xuống còn 75.631.681đồng.

Tính đến ngày 11/6/2024, ông C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 214.366.381đ (hai trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 75.631.681đồng và tiền lãi quá hạn là 138.734.700đồng.

Nay ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu ông Lê Vĩnh C thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 11/6/2024 là 214.366.381đ (hai trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 75.631.681đồng và tiền lãi quá hạn là 138.734.700đồng, và khoản lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Vĩnh C không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông Lê Vĩnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S khởi kiện yêu cầu ông Lê Vĩnh C (có địa chỉ tại Phường N, Quận A) phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do ông C ký ngày 19/9/2019, được Ngân Hàng phê duyệt hạn mức tín dụng ngày 20/9/2019, mục đích sử dụng vốn vay là để tiêu dùng. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A.

Bị đơn là ông Lê Vĩnh C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] **Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã thông báo cho ông Lê Vĩnh C về việc Tòa án thụ lý vụ kiện và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo về địa chỉ mà ông C đã cung cấp khi tiến hành giao dịch với Ngân hàng S, tuy nhiên phía ông C không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của ông C về việc phản đối các tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Những tình tiết, sự kiện đương sự đưa ra mà đương sự kia thừa nhận hoặc không phản đối thì đương sự đó không phải chứng minh. Vì vậy, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu Ngân hàng S đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 19/9/2019 của ông Lê Vĩnh C, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S và lời trình bày của đại diện ngân hàng S, cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng S và ông Lê Vĩnh C là "Hợp đồng vay tài sản", mức lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, hợp đồng có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện.

Về số tiền ông C còn nợ ngân hàng: theo lời trình bày của đại diện Ngân hàng S thì: Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ cho đến ngày 23/8/2020, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 86.440.500đồng, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 32.134.626đồng (bao gồm tiền mà ông C đã giao dịch, phí và lãi phát sinh trong kỳ thanh toán), sau đó ông C không tiếp tục thanh toán số tiền đã sử dụng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng nữa. Tính đến ngày 11/6/2024, ông C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 214.366.381đ (hai

trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 75.631.681đồng và tiền lãi quá hạn là 138.734.700đồng.

Như vậy, phía ông C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông C phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S nên đã có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông C phải thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[3] Về thời hạn thanh toán: ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu ông Lê Vĩnh C phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho ngân hàng S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/6/2024 là 214.366.381đ (hai trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 75.631.681đồng và tiền lãi quá hạn là 138.734.700đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này". Nên ông Lê Vĩnh C còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Vĩnh C phải chịu án phí dân sự là: 214.366.381đ x 5% = 10.718.319đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 417, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Lê Vĩnh C phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S tổng số tiền còn nợ là 214.366.381đ (hai trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 75.631.681đồng và tiền lãi quá hạn là 138.734.700đồng, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 19/9/2019 giữa ông Lê Vĩnh C và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Vĩnh C còn phải tiếp tục trả cho ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S thì lãi suất mà ông Lê Vĩnh C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Vĩnh C phải nộp án phí là 10.718.319đồng (mười triệu bảy trăm mười tám nghìn ba trăm mười chín đồng).

- Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.496.393đ (bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0038651 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;

- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hồng Nga